

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/2024/DSST

Ngày 28/8/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Ba

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 297/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXX-DS ngày 07/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ trụ sở chính: Số D – 42 – 44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng: Ông Dương Trần H, sinh năm 1980 – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Phòng Xử lý nợ (Quyết định uỷ quyền số 6838/QĐ-NHKL ngày 13/3/2024). (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Công A, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông **Trương Công A** có ký kết với **Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh P1** Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số: 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)
- Mục đích vay: tiêu dùng
- Thời hạn vay: 36 tháng
- Lãi suất cho vay: 22%/năm
- Lãi suất chậm trả: 3.5%/số tiền chậm trả
- Phí vượt hạn mức: 0.075%/ngày
- Kỳ hạn trả lãi vay: hàng tháng. Các ngày trả lãi vay là ngày 5 hàng tháng.
- Tiền lãi vay được tính bằng (=) Dư nợ vay thực tế nhân (x) lãi suất vay (%/năm) nhân (x) lãi suất vay (%/năm) Số ngày vay thực tế chia (:) 365. Trong đó, nếu số ngày vay thực tế chưa đủ 01 ngày thì được tính đủ 01 ngày.
- Kỳ hạn trả nợ gốc: Thanh toán tối thiểu so với dư nợ trong kỳ là 5%. Tỷ lệ này do **K1** quy định và có thể thay đổi trong từng thời kỳ.
- Số tiền thanh toán tối thiểu mỗi kỳ = 5%*(Dư nợ cuối kỳ - số tiền vượt mức trong kỳ - số tiền trả góp trong kỳ) + Số tiền vượt hạn mức trong kỳ + số tiền trả góp trong kỳ.
- Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ - Các khoản đã thanh toán trong kỳ + Các khoản chi tiêu trong kỳ + Phí + Lãi.

Khoản vay hạn mức thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông **Trương Công A** chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đến tháng 01/2022 thì không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đúng như hợp đồng đã ký kết và đã bị quá hạn từ tháng 01/2022. Tính đến ngày 17/12/2023, ông **Trương Công A** còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: Vốn gốc còn lại: 45.454.994 đồng; **L** phát sinh còn lại: 55.472.065 đồng; Tổng phí phải trả: 89.332.209 đồng; Tổng cộng: **190.259.268** đồng (*Một trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng*).

Do ông **Trương Công A** vay tiền của Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân với bà **Nguyễn Thị P** và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ Ngân hàng. **Ngân hàng TMCP K** đã nhiều lần liên hệ và làm việc với ông **A** đòi nợ nhiều lần nhưng không

được, do ông **A** cố tình tránh né, kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông **Trương Công A** và bà **Nguyễn Thị P** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền đến ngày 28/8/2024 là: 205.605.447 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc 45.454.994 đồng, lãi phát sinh 64.073.244 đồng, tổng phí (phí phạt chậm trả - phạt vượt hạn mức) phải trả 96.077.209 đồng. Đồng thời, ông **A** và bà **P** còn phải trả tiếp các khoản phí, lãi phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, kể từ ngày 29/8/2024 đến ngày trả hết nợ vay.

- Trường hợp ông **Trương Công A** và bà **Nguyễn Thị P** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì **Ngân hàng TMCP K** được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tra soát thông tin khách hàng để tìm kiếm bổ sung tài sản đảm bảo của khách hàng để kê biên, phát mãi tài sản để ưu tiên thanh toán nợ cho ngân hàng.

* *Tại bản tự khai ngày 13/5/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2024 và tại phiên tòa bị đơn ông **Trương Công A** trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K**, yêu cầu ông và bà **Nguyễn Thị P** phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (ngày 28/8/2024) là: 205.605.447 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 45.454.994 đồng, lãi phát sinh 64.073.244 đồng, tổng phí (phí phạt chậm trả - phạt vượt hạn mức) phải trả 96.077.209 đồng và yêu cầu ông **A**, bà **P** phải trả tiếp các khoản phí, lãi phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, kể từ ngày 29/8/2024 đến ngày trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Ông có kiến như sau:

Ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K**. Tuy nhiên, do đây là khoản nợ vay riêng của một mình ông, vì ông vay số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng với mục đích tiêu dùng cá nhân, ông không cho bà **P** hay, bà **P** không ký tên vào hợp đồng vay cùng ông và ông không dùng số tiền vay vào việc chi tiêu cho gia đình hoặc làm ăn kinh tế của gia đình trong thời kỳ hôn nhân với bà **Nguyễn Thị P**. Bà **P** cũng không hay biết việc ông vay tiền của Ngân hàng theo hình thức đăng ký thẻ tín dụng này và cũng không sử dụng số tiền này cùng ông. Ông và bà **P** cũng đã ly hôn vào năm 2022 theo Quyết định công

nhận sự thuận tình ly hôn số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, về nợ chung thì cả hai đều xác định không có nợ chung. Do bà **P** không liên quan đến khoản nợ ông vay của Ngân hàng, nên ông **A** đề nghị bà **P** không phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông. Ông đồng ý một mình trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

** Tại bản tự khai đề ngày 13/5/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc buộc bà phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Trương Công A để thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi suất và các loại phí tạm tính đến ngày 17/12/2023 là 190.259.268 đồng (Một trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng), thì bà hoàn toàn không đồng ý. Vì số tiền ông Trương Công A vay của Ngân hàng là khoản vay riêng của ông A, do ông A sử dụng vào mục đích cá nhân của ông A, không dùng vào việc chi tiêu làm ăn của gia đình, bà hoàn toàn không hay biết việc ông A vay tiền nên số nợ của ông A là không liên quan đến bà. Đồng thời, bà và ông A đã ly hôn theo Quyết định số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc. Vì vậy, đối với số tiền ông Trương Công A còn nợ của Ngân hàng TMCP K thì bà không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng. Do bà bận công việc riêng, khó sắp xếp thời gian để tham gia phiên tòa theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nên bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án đến khi kết thúc vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của **T**, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, có mặt ông Dương Trần H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Trương Công A; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, do bà **P** đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà **P** theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và Bản chấp thuận về điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, thì thỏa thuận giữa **Ngân hàng TMCP K** và ông **Trương Công A** là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông **Trương Công A** có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K**. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà **Nguyễn Thị P** cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ với ông **Trương Công A** là không có cơ sở, vì ông **Trương Công A** và bà **Nguyễn Thị P** đều xác nhận đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân của riêng ông **A**, không liên quan đến bà **P**, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn ông **Trương Công A** có địa chỉ cư trú tại **ấp C, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** đối với bị đơn ông **Trương Công A**, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, có mặt ông **Dương Trần H** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** và có mặt bị đơn ông **Trương Công A**, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị P** nhưng bà **P** đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà **P** theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng TMCP K** và ông **Trương Công A** được giao kết theo hình thức Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng quốc tế **K1** số: 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017, được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Theo hợp đồng tín dụng, ông **Trương Công A** vay tiền của **Ngân hàng TMCP K** số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận các điều khoản về lãi suất và các khoản phí được thể hiện chi tiết tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số: 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và phụ lục bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**.

Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng số tiền vay ông **Trương Công A** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng theo như các bên thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông **Trương Công A** và bà **Nguyễn Thị P** phải có nghĩa vụ trả số nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 28/8/2024 là: 205.605.447 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc 45.454.994 đồng, lãi phát sinh 64.073.244 đồng, tổng phí (phí phạt chậm trả - phạt vượt hạn mức) phải trả 96.077.209 đồng. Đồng thời, ông **A** và bà **P** còn phải trả tiếp các khoản phí, lãi phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và quy định tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, kể từ ngày 29/8/2024 đến ngày trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị đơn ông **Trương Công A** thống nhất và thừa nhận còn nợ **Ngân hàng TMCP K** số tiền theo như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông **A** yêu cầu được một mình trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng số tiền 205.605.447 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*) và đồng ý tiếp tục trả các khoản lãi, phí phát sinh theo như thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số: 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và phụ lục bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** kể từ ngày 29/8/2024 đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng. Còn bà **Nguyễn Thị P** do không liên quan đến khoản nợ của ông nên ông đề nghị Ngân hàng không đưa bà **P** vào liên đới để trả nợ cùng ông.

Tại bản tự khai đề ngày 13/5/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị P** trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** về việc buộc bà có trách nhiệm liên đới với ông **Trương Công A** để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi suất tạm tính đến thời điểm ngày 17/12/2023 là 190.259.268 đồng (Một trăm chín mươi triệu hai trăm năm mươi

chín ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng), thì bà hoàn toàn không đồng ý. Vì số tiền ông **Trương Công A** vay của Ngân hàng là sử dụng vào mục đích cá nhân của ông **A**, bà hoàn toàn không hay biết và không liên quan đến bà. Đồng thời, bà và ông **A** đã ly hôn theo Quyết định số 171/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc. Vì vậy, đối với số tiền ông **Trương Công A** còn nợ của **Ngân hàng TMCP K** là nợ riêng của ông **A**, nên bà không đồng ý liên đới trả số tiền này cho Ngân hàng cùng ông **A**.

Như vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông **Trương Công A** là có cơ sở chấp nhận, do ông **A** đã thống nhất và thừa nhận toàn bộ số nợ vay và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Riêng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà **Nguyễn Thị P** phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số nợ với ông **Trương Công A**, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông **A** trình bày số tiền ông vay của Ngân hàng là do ông dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân, không dùng vào việc chi tiêu, sinh hoạt của gia đình hoặc làm ăn kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân với bà **P**. Bà **P** không ký tên vào hợp đồng vay, không biết ông **A** vay tiền và không sử dụng số tiền này cùng ông **A**, hiện ông **A** và bà **P** đã ly hôn từ năm 2022. Do đó, trách nhiệm trả nợ Ngân hàng là của một mình ông **A**, không liên quan đến bà **Nguyễn Thị P**. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** về việc buộc bà **Nguyễn Thị P** phải liên đới trả khoản nợ cùng ông **Trương Công A**.

Từ những phân tích nêu trên, cần buộc ông **Trương Công A** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** số tiền tính đến ngày 28/8/2024 là: 205.605.447 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*) và phải tiếp tục trả các khoản phí, lãi phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, kể từ ngày 29/8/2024 đến ngày trả hết nợ vay cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông **Trương Công A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, số tiền án phí được tính là: 205.605.447 đồng x 5% = 10.280.000 đồng (Làm tròn) (*Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông **Trương Công A**.

- Buộc ông **Trương Công A** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/8/2024 là **205.605.447** đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 45.454.994 đồng, lãi phát sinh 64.073.244 đồng, tổng phí (phí phạt chậm trả - phạt vượt hạn mức) phải trả 96.077.209 đồng.

- Ông **Trương Công A** còn phải trả tiếp các khoản phí, lãi phát sinh theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0208/17/TC-1100-2671 ngày 03/7/2017 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1**, kể từ ngày 29/8/2024 đến ngày trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** về việc buộc bà **Nguyễn Thị P** liên đới trả khoản nợ vay cùng với ông **Trương Công A**.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K** được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.756.482 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000107, ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn ông **Trương Công A** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.280.000 đồng (Làm tròn) (*Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị P** vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- CC. THADS TP. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhung